

Số: 886/PA-THCSCVA

Cẩm Phả, ngày 30 tháng 12 năm 2022

**PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2023-2025**

Căn cứ thực hiện

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Thông tư số 16/2017/TT- BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở;

- Thông tư số 56/2022/TT- BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Công văn số 6885/STC-QLNS ngày 06/12/2022 của Sở Tài chính về việc xây dựng phương án tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục công lập do cấp huyện quản lý; công văn số 283/TCKH ngày 08/12/2022 của Phòng Tài chính – Kế hoạch về việc xây dựng phương án tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục công lập giai đoạn 2023-2025;

- Công văn số 7354/STC-QLNS ngày 28/12/2022 của Sở Tài chính về việc sử dụng nguồn học phí để tính phương án tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục công lập do cấp huyện quản lý;

- Quyết định số 4524/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc xác định định biên cho các cơ sở giáo dục công lập theo định mức quy định tại các thông tư của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 4716/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc Phân bổ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước thuộc sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2022 - 2023;

- Quyết định số 220/QĐ-PGDĐT ngày 10/11/2022 của Phòng giáo dục và đào tạo Cẩm Phả Về việc bổ sung kế hoạch chi ngân sách năm 2022 kinh phí hoạt động theo tiêu chí định biên cho các đơn vị dự toán trực thuộc;

- Quyết định số 280/QĐ-GDĐT ngày 21/12/2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo về việc bổ sung kế hoạch chi ngân sách năm 2022 kinh phí hỗ trợ học phí học kì I năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

- Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, trường THCS Chu Văn An xây dựng phương án tự chủ của đơn vị giai đoạn 2023-2025 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

Đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn 2018-2022

1. Về nhiệm vụ; Tổ chức bộ máy; Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng. Trong đó nêu rõ nhiệm vụ chức năng; tổ chức bộ máy để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng.

1.1. Về chức năng nhiệm vụ được giao

- Trường THCS Chu Văn An được thành lập từ năm 2013 theo quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 7/10/2013 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc thành lập trường THCS Chu Văn An và bắt đầu đi vào hoạt động từ năm học 2018-2019.

- Trường THCS Chu Văn An là trường trung học, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Chức năng nhiệm vụ của nhà trường được cụ thể trong Luật giáo dục và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo Quyết định giao chỉ tiêu của UBND thành phố Cẩm Phả; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục cấp THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

1.2. Về tổ chức bộ máy, số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng

Tổ chức bộ máy nhà trường được quy định theo các văn bản của Chính phủ và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó, đảm bảo đủ các tổ chức, đoàn thể, các hội đồng, các vị trí việc làm về cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên theo môn học và các vị trí nhân viên trường học.

a) Tổ chức bộ máy:

Tổ chức bộ máy của nhà trường bao gồm:

- Lãnh đạo nhà trường: 02 người (01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng).

STT	Nội dung	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
1	Số lượng	01	01
2	Trình độ chuyên môn	Đại học SP Ngữ văn, Thạc sĩ QLGD	Đại học sư phạm toán
3	Trình độ ngoại ngữ	Cử nhân Tiếng anh	Chứng chỉ tiếng anh
4	Trình độ tin học	Ứng dụng CNTT	Cao đẳng Toán - Tin
5	Trình độ lý luận chính trị	Cao cấp	Trung cấp

6	Trình độ Quản lý GD	Chứng chỉ	
7	Đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, phó HT	Tốt	Tốt

- Tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn; 01 tổ văn phòng
- + Tổ Khoa học tự nhiên (Gồm các môn: Toán; KHTN; Hóa, Sinh; Lý)
- + Tổ Khoa học xã hội (Gồm các môn: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý, GDCD)
- + Tổ Ngoại ngữ - Nghệ thuật (Gồm các môn: Tiếng anh; GDTC/ Thể dục Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật); Tin, Công nghệ)
- + Tổ Văn phòng gồm: Văn thư, Kế toán, người lao động (Lao công, Bảo vệ)
- Trường THCS Chu Văn An trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Cẩm Phả quản lý, có Chi bộ Đảng độc lập, có tổ chức Công đoàn; Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Trường đã thành lập được Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động có hiệu quả góp phần giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.
- Các tổ chức thuộc nhà trường được thành lập theo các quy định chung. Bên cạnh đó, các tổ chuyên môn được lập dựa trên đặc thù môn học và quy mô từng trường, chất lượng chuyên môn của đội ngũ.

b) Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng

TT	NỘI DUNG	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Số lượng	23	29	32	35	35
	Cán bộ quản lý	1	2	2	2	2
	Giáo viên	19	24	27	30	30
	Nhân viên thư viện, thiết bị	1	1	1	1	1
	Nhân viên Kế toán	1	1	1	1	1
	Nhân viên văn thư	1	1	1	1	1
2	Trình độ CM					
	Thạc sĩ	03	05	6	7	6
	Đại học	19	23	25	27	28
	Cao đẳng	1	1	1	1	1
3	Trình độ LLCT					
	Cao cấp		1	1	1	1
	Trung cấp LL CT	5	8	8	8	8
4	Trình độ QLGD	Thạc sỹ QLGD	Thạc sỹ QLGD	Thạc sỹ QLGD	Thạc sỹ QLGD	Thạc sỹ QLGD
	Chứng nhận (Chứng chỉ)	2	2	2	2	1

2. Về nhiệm vụ được giao, kê chi tiết các nhiệm vụ được giao; nhiệm vụ đơn vị tự thực hiện

2.1. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua

2.1.1. Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

+ Nhà trường đã quán triệt chỉ thị số 40/2008- CT-BGDĐT về việc phát động phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" và các văn bản chỉ đạo của cấp trên đến toàn thể CBGV.

+ Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể của trường nhằm thực hiện tốt từng nội dung trong việc xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực để nhà trường đạt được cả chất lượng và cảnh quan theo từng nội dung cụ thể.

+ Tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh (CB, GV, NV, HS, CMHS). Tham mưu với các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho học sinh, đảm bảo về cơ sở vật chất (CSVC) đáp ứng với các tiêu chí trường học thân thiện học sinh tích cực.

2.1.2. Cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách đạo đức Hồ Chí Minh"; "Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức tự học và sáng tạo"

Nhà trường đã xây dựng chương trình hành động để chỉ đạo ở đơn vị, từ đó mỗi CB, GV, NV và cán bộ đảng viên đã chọn và đăng ký những việc làm theo tấm gương đạo đức của Bác Hồ sát với tình hình thực tế của nhà trường và của mỗi cá nhân. Thường xuyên giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho CB, GV, NV, HS. Qua đó mỗi CB, GV, NV đã luôn có ý thức trong việc giữ gìn đạo đức trong sáng của người nhà giáo, có ý thức xây dựng mối đoàn kết nội bộ và việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Mỗi CB, GV, NV luôn gương mẫu, thường xuyên trau dồi phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch, thương yêu tôn trọng học sinh, là tấm gương cho học sinh noi theo.

Phần đầu chỉ tiêu 100% cán bộ giáo viên nhân viên tham gia các cuộc vận động, không có cán bộ giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm pháp luật và các quy định của ngành, địa phương đề ra.

2.1.3. Phong trào thi đua 3 tốt "Quản lý tốt, Dạy tốt, Học tốt"

Đăng kí chỉ tiêu phần đầu "Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức tự học và sáng tạo. Thực hiện hiệu quả các cuộc vận động lớn trong ngành đăng ký việc làm cụ thể thực hiện học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Kế hoạch của Chi bộ, nhà trường, công đoàn.

+ 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc việc soạn giảng theo trương trình quy định, đảm bảo thời gian lên lớp, tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, thường xuyên tổ chức dự giờ,thảo giảng, tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn trong cụm trường nhằm góp ý xây dựng và đánh giá năng lực giáo viên; thường xuyên bồi dưỡng học sinh giỏi và học sinh học tập chưa tích cực, không vi phạm nội quy, quy chế chuyên môn.

+ 100% CB,GV,NV nghiêm túc thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường, đảm bảo ngày giờ công theo quy định.

Tổ chức học tập các công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học cấp THCS của BGDĐT, Sở GDĐT; Phòng GD&ĐT. Hội thảo triển khai kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn của nhà trường tới 100% CB-GV-NV.

Triển khai học tập Quy chế dân chủ trong trường học, Luật Giáo dục sửa đổi, Luật viên chức, Nghị định về công tác thi đua khen thưởng, Quy tắc ứng xử¹, quy định về lễ lối làm việc trong trường, các văn bản quy định về ngành nhằm giúp GV có nhận thức đúng đắn và thực hiện tốt các quy định. Nhà trường có quy định tác phong, trang phục, giao tiếp của CB-GV-NV: lịch sự, mang tính sư phạm; quy định tác phong, trang phục, giao tiếp của HS: lịch sự, thân thiện mang phong cách học trò.

¹ Nhà trường và công đoàn phối hợp trong việc xây dựng Quy chế Quy tắc ứng xử năm học 2022-2023;

2.2. Phát triển mạng lưới trường lớp, tăng tỷ lệ huy ra lớp; Nâng cao chất lượng giáo dục:

2.2.1. Phát triển mạng lưới trường lớp, tăng tỷ lệ huy động ra lớp:

TT	NỘI DUNG	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
ĐỐI VỚI HỌC SINH						
1	Tổng số lớp	10	15	18	20	20
2	Tổng số học sinh	405	636	765	878	888
3	Tỷ lệ huy động 11-14 tuổi ra lớp	207	225	216	222	219
4	Tỷ lệ HS hoàn thành CTTH vào lớp 6	100%	100%	100%	100%	100%
5	Tỷ lệ duy trì sĩ số	100%	100%	100%	100%	100%

2.2.2. Chất lượng học sinh

TT	NỘI DUNG	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Kết quả GD Hạnh kiểm/ Rèn luyện	405	636	765	878
	- Loại tốt	403	628	761	872
	- Loại Khá	2	8	4	6
	- Loại Trung bình	0	0	0	0
2	Kết quả GD Học lực	405	636	765	878
	- Loại Giỏi/Tốt	280	406	587	498
	- Loại Khá	125	227	177	362
	- Loại Trung bình/Đạt	0	3	1	18
	- Loại Yếu-Kém	0	0	0	0
3	Học sinh Giỏi				
	- Cấp trường	89 giải, trong đó: (56 giải VH; 33 giải thi qua mạng)			
	- Cấp thành phố	16 (14 giải VH, 02 giải điền kinh)	53 giải (05 giải nhất; 07 giải nhì; 13 giải ba; 28 giải khuyến khích)	59 (03 giải nhất; 09 giải nhì; 16 giải ba; 31 giải khuyến khích)	74 giải (05 giải nhất; 13 giải nhì; 22 giải ba; 34 giải khuyến khích)

				khích)	
	- Cấp tỉnh	05 (05 giải VH);	Không tổ chức do dịch bệnh Covid-19	28 giải Trong đó: 02 giải Nhất; Nhì - 04 giải; Ba - 12 giải ; Khuyến khích - 10 giải	35 giải (02 giải nhất; 09 giải nhì; 09 giải ba; 15 giải khuyến khích)
4	Thi KHKT				
	- Cấp thành phố		1 giải nhất; 02 giải khuyến khích	01 giải nhất; 02 giải khuyến khích	01 giải nhất, 02 giải nhì, 01 giải tư
	- Cấp Tỉnh		01 giải ba	01 sản phẩm được tham gia dự thi cấp Tỉnh	01 giải tư
5	Thi STTNND				
	- Cấp thành phố		01 giải nhì	1 giải nhất; 02 giải ba; 01 giải tư	01 giải đặc biệt; 01 giải nhất; 01 giải tư
	- Cấp Tỉnh		01 giải khuyến khích	01 sản phẩm được tham gia dự thi cấp Tỉnh	01 giải nhất; 01 Khuyến khích
6	Tỷ lệ HS lớp 9 tốt nghiệp THCS	100%	100%	100%	100%

2.2.3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Tổng diện tích toàn trường là 10.347,7 m². Nhà trường có đủ số lượng phòng học và 1 số phòng chức năng đảm bảo về diện tích theo quy định.

Danh mục	Tổng số	Các điểm trường	Ghi chú
Phòng học	28	1.638 m ²	
Văn phòng	1	25.92 m ²	
Phòng y tế	1	25.92 m ²	

Phòng bộ môn	6	497.25 m ²	
Phòng hỗ trợ học tập	4	266.26 m ²	
Nhà ăn + ký túc xá HS	1	1507.7 m ²	
Nhà đa năng	1	764.5 m ²	
Ti vi	4		
Thiết bị dạy học các lớp	12		
Máy tính	390		
Máy chiếu	5		
Tủ lớp học	16		
Tủ giáo viên	28		

2.2.3. Chất lượng đội ngũ

TT	Năm	Số CB, GV, NV	Xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp			Xếp loại viên chức			
			Tốt	Khá	Đạt	HT XS NV	HT TNV	HT NV	Không HTNV
1	2018 - 2019	23	20	0	0	19	4	0	0
2	2019 - 2020	29	26	0	0	25	4	0	0
3	2020 - 2021	35	24	8	0	26	9	0	0
4	2021 - 2022	37	25	7	0	28	5	0	0

2.3. *Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục TH, THCS*

- Thực hiện Quyết định số 239/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09/02/ 2010.
- Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.
- Nhà trường không thực hiện công tác phổ cập theo đề án thành lập trường nhưng phối hợp chặt chẽ với các trường trên địa bàn thành phố, tham mưu hỗ trợ cho Ban chỉ đạo của UBND các phường xã tiến hành điều tra, bổ sung số liệu chính xác, để các trường hoàn thành nhập liệu trên phần mềm phổ cập theo đúng quy định.

2.4. *Công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia*

Trường THCS Chu Văn An đang trên lộ trình thực hiện công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2018-2023.

Nhà trường phân công cụ thể các cá nhân, nhóm làm công tác kiểm định theo phân công số 717/PC-THCSCVA này 11/10/2022 của trường THCS Chu Văn An về việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) thu thập minh chứng

trong công tác KĐCLGD và Chuẩn Quốc gia chu kỳ 2018-2023; tăng cường đi học hỏi thực tế tại các trường THCS mới được công nhận trên địa bàn thành phố Cẩm Phả.

2.5. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục

Trường THCS Chu Văn An đang trên lộ trình phấn đấu đạt Tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3. Đề nghị được đánh giá ngoài vào năm 2023.

Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác tự đánh giá hàng năm, thực hiện đúng quy trình và hoạt động của Hội đồng tự đánh giá theo hướng dẫn tại công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT và Công văn 1816/SGDĐT.

Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và thu thập minh chứng, phiếu đánh giá tiêu chí và xây dựng báo cáo tự đánh giá, chuẩn bị hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài theo lộ trình.

Trường đăng kí công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn quốc gia vào năm học 2022-2023; nghiêm túc thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp.

3. Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước

- Về mức thu sự nghiệp: Các khoản phí, lệ phí thu theo văn bản quy định của cấp có thẩm quyền;

+ Về mức thu học phí: Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 - 2021; là 60.000đ/ tháng

+ Trích 40% nguồn thu học phí thực hiện cải cách tiền lương để đảm bảo nhu cầu cải cách tiền lương của đơn vị.

+ Còn lại 60% nguồn thu học phí sử dụng còn lại chi cho hoạt động của đơn vị: vật tư văn phòng, chi phí thuê mượn, mua sắm và sửa chữa tài sản, phục vụ công tác chuyên môn,...

- Thực hiện chính sách miễn giảm theo quy định:

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 09/2016 /TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động- Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

- Tình hình chấp hành các chế độ tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; quy định khác:

+ Nhà trường chấp hành nghiêm các quy định hiện hành của Luật Kế toán và các thông tư, hướng dẫn của Bộ Tài chính, định mức chi của UBND tỉnh. Chấp hành đúng thời gian nộp các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán; chấp hành đúng hệ thống biểu mẫu do Bộ Tài chính quy định.

+ Hàng năm nhà trường đều tiến hành rà soát, xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để phù hợp với quy định của cấp trên và thực hiện chặt chẽ về định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo quy định được ban hành; đồng thời thực hiện công khai minh bạch các hoạt động thu, chi; khuyến khích tăng thu, giảm chi nhằm bù đắp một phần chi phí cho hoạt động sự nghiệp, đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo sự phát triển bền vững của nhà trường và nâng cao đời sống của cán bộ viên chức trong đơn vị.

+ Thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của đơn vị: Chi cho các hoạt động chuyên môn, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

4. Báo cáo về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ (từ năm 2018- đến năm 2022)

- Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên giao tự chủ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

stt	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề					
		Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Năm 2022	
						Dự toán	Ước Thực hiện
I	Nguồn thu xác định mức độ tự chủ (A)	95,64	271,65	300,00	439,68	1.311,05	1.311,05
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN gồm:	95,64	271,65	300,00	439,68	1.311,05	1.311,05
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ						
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ...)	95,64	271,65	300,00	439,68	1.311,05	1.311,05
	- Thu học phí (100% số thu học phí)	95,64	271,65	300,00	439,68	1.311,05	1.311,05
II	Chi thường xuyên giao tự chủ (B)	1.477,39	3.576,43	4.371,22	4.938,00	6.426,22	6.426,22
1	Chi tiền lương tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	885,77	2.394,54	3.295,27	3.769,42	4.217,13	4.217,13
2	Chi tiền thưởng, phúc lợi tập thể	12,00	15,00	148,15	180,94	158,17	158,17
3	Chi thu nhập tăng thêm	20,90		89,90	126,66	260,00	260,00
4	Chi hoạt động chuyên môn	371,15	813,26	480,77	338,44	366,87	366,87
5	Chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	61,20		31,94	50,66	75,76	75,76

6	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	95,64	271,65	300,00	439,68	1.311,05	1.311,05
7	Chi trả tiền lãi vay						
8	Chi khác	30,73	81,99	25,20	32,19	37,24	37,24
III	Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên (%) =A/B*100%	6,47	7,60	6,86	8,90	20,40	20,40
IV	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên (đối với đơn vị nhóm 3, nhóm 4)	1.381,75	3.304,78	4.071,22	4.498,32	5.115,17	5.115,17

- Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ).

ĐVT: Triệu đồng

stt	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề					
		Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Năm 2022	
						Dự toán	Ước Thực hiện
VII	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ)	675,50	90,17	147,93	86,49	7,85	36,35
1	Chi thanh toán cá nhân	0,00	0,90	0,70	8,19	7,85	7,85
	Chi hỗ trợ trẻ em (Hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập)		0,90	0,70	0,50	1,35	1,35
	Chi lương giáo viên dạy trẻ khuyết tật				7,69	6,50	6,50
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	675,50	89,27	147,23	69,80	0,00	20,00
	Chi sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn, chi phí nghiệp vụ chuyên môn	675,50	65,55	54,00			20,00
	Chi thanh toán dịch vụ công cộng		23,72	93,23	69,80		
3	Chi khác	0,00	0,00	0,00	8,50	0,00	8,50
	Chi khác				8,50		8,50

5. Phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên (nêu nguyên tắc phân phối đảm bảo phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị), trong đó:

- Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.
- Trích lập quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ khác (nếu có).

6. Thu nhập tăng thêm của người lao động (nêu nguyên tắc).

Kết thúc năm tài chính sau khi đã hoàn thành các chỉ tiêu, nghĩa vụ được cấp thẩm quyền giao, căn cứ vào kết quả tài chính thì phần kinh phí tiết kiệm được chi trả thu nhập tăng thêm cho từng người lao động. Được quyết định tổng mức thu nhập tăng thêm trong năm cho người lao động, nhưng tối đa không quá 01 lần quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ trong năm do nhà nước quy định.

Mức chi trả thu nhập tăng thêm theo nguyên tắc chung và theo kết quả phân loại, bình xét thi đua lao động theo học kỳ và đảm bảo công bằng người nào có hiệu suất công tác cao thì được chi trả cao hơn (xếp loại A, B, C)

- Năm 2018, nhà trường thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động với tổng số tiền: 20.902.968 đồng. Thu nhập tăng thêm bình quân 870.957đ/người.

- Năm 2019, nhà trường thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động với tổng số tiền: 0 đồng.

- Năm 2020, nhà trường thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động với tổng số tiền: 89.903.200 đồng. Thu nhập tăng thêm bình quân 2.568.663đ/người.

- Năm 2021 nhà trường thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động với tổng số tiền là: 126.660.570 đồng. Thu nhập tăng thêm bình quân 3.166.514 đ/người.

- Năm 2022, nhà trường thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động với tổng số tiền: 274.157.377 đồng (Hai trăm bảy mươi tư triệu một trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm bảy bảy đồng). Thu nhập tăng thêm bình quân 7.833.067đ/người.

PHẦN THỨ HAI

Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn tiếp theo

I. Khái quát chung

Về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc và tình hình triển khai nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo (báo cáo về sự thay đổi so với giai đoạn trước). Căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao và yêu cầu công việc, cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị, nhà trường dự kiến số lượng viên chức và lao động hợp đồng giai đoạn 2022 - 2025 cụ thể như sau:

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo nhà trường: 02 người (01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng);
- Tổ chuyên môn: 04 tổ (03 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng)
- + Tổ Khoa học tự nhiên (Gồm các môn: Toán; KHTN; Hóa, Sinh; Lý)
- + Tổ Khoa học xã hội (Gồm các môn: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý, GDCD)
- + Tổ Ngoại ngữ - Nghệ thuật (Gồm các môn: Tiếng anh; GDTC/Thủ dục Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật); Tin, Công nghệ)
- + Tổ Văn phòng gồm: Văn thư, Kế toán, người lao động (Lao công, Bảo vệ)

2. Số lượng người làm việc

Đơn vị dự kiến số người làm việc giai đoạn 2022 - 2025, cụ thể:

TT	Năm học	Kế hoạch số lớp, số HS		Kế hoạch CBQL, GV, NV giai đoạn 2022 - 2025								
		Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Tổng số	Chi tiết cơ cấu							
					CBQL	Giáo viên	Nhân viên thư viện, Phụ trách CNTT	Nhân viên kế toán	Nhân viên Thư viện+ Thiết bị	Nhân viên văn thư-thủ quỹ	Nhân viên y tế	Nhân viên phụ trách công tác khuyết tật
1	2022-2023	20	889	47	2	38	1	1	1	1	1	
2	2023-2024	23	984	54	2	46	1	1	1	1	1	1
3	2024-2025	26	1080	60	2	52	1	1	1	1	1	1
4	2025-2026	28	1138	65	3	56	1	1	1	1	1	1

- Lao động hợp đồng đối với vị trí việc làm là viên chức: 0

- Lao động hợp đồng thời vụ là 05 người (03 bảo vệ và 02 lao công)

3. Tình hình triển khai nhiệm vụ trong giai đoạn 2023-2025

3.1. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua

Nhà trường thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với cá nhân, tập thể; tổ chức các phong trào thi đua thiết thực chào mừng kỷ niệm 40 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam. Đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động, việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Cụ thể:

* Tham gia cuộc thi giáo viên dạy giỏi các cấp:

- Nhà trường triển khai thực hiện tốt cuộc thi GV dạy giỏi THCS cấp trường, phần đầu có trên 90% giáo viên nhà trường tham gia Hội thi GVG cấp trường và động viên từ 60% giáo viên tham gia Hội thi GVG cấp thành phố, tạo điều kiện để giáo viên tham gia cuộc thi cấp thành phố theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông. Xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội thi GV dạy giỏi cấp trường trong mỗi năm học.

- Tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi THCS cấp thành phố (dự kiến tổ chức vào tháng 11/2022); cấp tỉnh dự kiến tổ chức vào tháng 03, 4/2023 (phần đầu có từ 40% giáo viên tham gia Hội thi GVG cấp tỉnh).

* Phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu công tác một cách thực chất; kiên quyết khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục; chấp hành chế độ báo cáo, thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định tại Kế hoạch thời gian năm học của UBND tỉnh, thành phố Cẩm Phả.

- Trong công tác thi đua, khen thưởng trong các năm học, ngoài những yêu cầu chung của Sở GD&ĐT và phòng GD&ĐT về công tác thi đua, cần quan tâm các yếu tố sau:

+ Kết quả triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và kế hoạch dạy học; kết quả thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy

học; việc tuân thủ quy chế chuyên môn, thi, quản lý văn bằng, chứng chỉ; kết quả xây dựng Nguồn học liệu mở phục vụ dạy học, kiểm tra đánh giá trên Website của Sở GD&ĐT và kết quả đóng góp nguồn dữ liệu xây dựng Nguồn học liệu mở trên Website của Bộ GD&ĐT (tại địa chỉ <http://giaoducphothong.edu.vn>).

+ Việc chấp hành sự điều động; việc tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo; việc chấp hành quy định về chế độ thông tin, báo cáo.

* Thực hiện nghiêm túc các cuộc vận động của ngành, của Đảng Nhà nước. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, phong trào “Xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực”; tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với việc thực hiện chuyên đề toàn khóa “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, chuyên đề năm 2022 của tỉnh về “Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ”. Đăng kí chỉ tiêu phấn đấu “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức tự học và sáng tạo, phấn đấu chỉ tiêu 100% cán bộ giáo viên nhân viên tham gia các cuộc vận động, không có cán bộ giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nhà giáo.

*** Tập thể:**

- Chi bộ: Vững mạnh tiêu biểu xuất sắc

- Công đoàn: Giấy khen của Công đoàn Giáo dục tỉnh Quảng Ninh, Cờ thi đua của LĐLĐ tỉnh.

- Trường: Tập thể LĐ tiên tiến; Tập thể LĐ xuất sắc, Tập thể HT XSNNV; Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ, Cờ dẫn đầu khối thi đua THCS; Đơn vị xếp thứ Nhất Khối THCS.

- Liên đội: Vững mạnh xuất sắc cấp tỉnh; Chi đội vững mạnh xuất sắc đối với tất cả các chi đội của nhà trường.

*** Cá nhân**

- Lao động tiên tiến: 100% CB, GV, NV nhà trường

- Phó Hiệu trưởng chỉ đạo các Tổ chuyên môn, cá nhân đăng kí các chỉ tiêu phấn đấu:

+ Bồi dưỡng thường xuyên: 100% Đạt

+ Xếp loại viên chức: HTXSNNV đạt 95 % trở lên; HTTNV 5%

+ CSTĐ cấp cơ sở; CSTĐ cấp Tỉnh

- Các danh hiệu khen cao:

+ Đăng ký Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ

+ Đăng ký Bằng khen của BGD

+ Đăng ký Bằng khen của UBND tỉnh

+ Đăng ký Giấy khen của SGD

+ Đăng ký Giấy khen của UBND Thành phố

+ Đăng ký Giấy khen Liên đoàn LĐTP

+ Đăng ký Bằng khen Tỉnh đoàn

+ Đăng ký giáo viên dạy giỏi cấp trường

+ Đăng ký giáo viên dạy giỏi cấp thành phố

+ Đăng ký giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh

3.2. Phát triển mạng lưới trường lớp, tăng tỷ lệ huy ra lớp; Nâng cao chất lượng giáo dục:

3.2.1. Phát triển mạng lưới trường lớp, tăng tỷ lệ huy ra lớp:

DỰ KIẾN SỐ LỚP TỪ NĂM HỌC 2022-2023 ĐẾN NĂM HỌC 2025-2026

Khối	Năm học 2022-2023 (20 lớp)			Năm học 2023-2024 (23 lớp)			Năm học 2024-2025 (26 lớp)			Năm học 2025-2026 (28 lớp)		
	Số lớp p	Sĩ số HS	CBGVN V	Số lớp p	Sĩ số HS	CBGVN V	Số lớp p	Sĩ số HS	CBGVN V	Số lớp p	Sĩ số HS	CBGV NV
6	5	218	47	8	320	54	8	320	60	7	280	65
7	5	222		5	218		8	320		8	320	
8	5	224		5	222		5	218		8	320	
9	5	225		5	224		5	222		5	218	
TỔNG	20	889		23	984		26	1080		28	1138	
Ghi chú	Học chương trình GDPT mới đối với Lớp 6,7			Học chương trình GDPT mới đối với Lớp 6,7, 8			Học chương trình GDPT mới đối với HS toàn trường			Học chương trình GDPT mới đối với HS toàn trường		

3.2.2. Chất lượng học sinh

Thống kê kết quả học lực, hạnh kiểm giai đoạn 2023-2025

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC									
Năm học	Số học sinh	Giỏi (Tốt)		Khá		Trung bình (Đạt)		Yếu (Chưa đạt)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2022-2023	889	515	57,93%	369	41,51%	5	0,56%	0	
2023-2024	984	582	59,15%	398	40,45%	4	0,41%	0	
2024-2025	1080	685	63,43%	391	36,20%	4	0,37%	0	
2025-2026	1138	732	64,32%	403	35,41%	3	0,26%	0	

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM									
Năm học	Số học sinh	Tốt		Khá		Trung bình		Không đánh giá	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2022-2023	889	883	99,33%	6	0,67%	0	0,00%	0	0
2023-2024	984	979	99,49%	5	0,51%	0	0,00%	0	0
2024-2025	1080	1075	99,54%	5	0,46%	0	0,00%	0	0
2025-2026	1138	1133	99,56%	5	0,44%	0	0,00%	0	0

3.2.3. Chất lượng đội ngũ (kết quả đạt được từ năm học 2018 đến năm học 2021-2022; dự kiến đạt được ở các năm tiếp theo)

TT	Năm	Số CB, GV, NV	Xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp			Xếp loại viên chức			
			Tốt	Khá	Đạt	HT XSNV	HT TNV	HT NV	Không HTNV
1	2018 - 2019	23	20	0	0	19	4	0	0
2	2019 - 2020	29	26	0	0	25	4	0	0
3	2020 - 2021	35	24	8	0	26	9	0	0
4	2021 - 2022	37	25	7	0	28	5	0	0
5	2022 - 2023	35	25	7	0	31	4	0	0
6	2023 - 2024	47	34	10	0	40	7	0	0
7	2023 - 2024	54	44	12	0	45	9	0	0

3.3. *Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục TH, THCS.*

- Nhà trường không thực hiện công tác phổ cập theo đề án thành lập trường nhưng phối hợp chặt chẽ với các trường trên địa bàn thành phố, có trách nhiệm phối kết hợp với trường THCS Cẩm Bình và các trường THCS trên địa bàn thành phố, cung cấp số liệu, thông tin học sinh đang theo học tại trường để các trường làm tốt công tác nhập liệu trên phần mềm, thực hiện hoàn thiện hồ sơ Phổ cập Giáo dục

- Cùng với các trường bạn để hoàn thành việc xóa mù chữ năm 2022.

3.4. *Công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia*

Trường THCS Chu Văn An đang trên lộ trình phấn đấu đạt Trường Chuẩn Quốc gia vào năm 2023.

Tăng cường CSVC phục vụ công tác dạy và học, đặc biệt chú trọng ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản lý, thực hiện mạnh mẽ chuyên đổi số trong nhà trường.

Trang trí khâu hiệu các phòng học, khuôn viên nhà trường tạo môi trường thân thiện cho học sinh. Bổ sung, trồng và chăm sóc bồn hoa hồng của nhà trường hưởng ứng kế hoạch xây dựng thành phố Cẩm Phả - Thành phố triệu đóa hoa hồng.

Xây dựng cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Thân thiện, thoáng mát, lớp học đủ ánh sáng, bàn ghế hợp lứa tuổi học sinh. Bảo quản và sử dụng trang thiết bị dạy học có hiệu quả, sắp xếp phòng thiết bị khoa học, thuận tiện trong sử dụng, quản lý và kiểm tra. Giáo dục học sinh có ý thức giữ vệ sinh các công trình công cộng, nhà trường, lớp học, cá nhân.

Nhà trường đã phân công cụ thể các cá nhân, nhóm làm công tác kiểm định, chuẩn Quốc gia theo phân công số 717/PC-THCSCVA này 11/10/2022 của trường THCS Chu Văn An về việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) thu thập minh chứng trong công tác KĐCLGD và Chuẩn Quốc gia chu kỳ 2018-2023; tăng cường đi học hỏi thực tế tại các trường THCS mới được công nhận trên địa bàn thành phố Cẩm Phả.

3.5. Công tác kiểm định chất lượng GD THCS

- Hoàn thành tự đánh giá hàng năm, thực hiện đúng quy trình và hoạt động của Hội đồng tự đánh giá theo hướng dẫn tại công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường có đủ phòng học, công trình vệ sinh và nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt và học tập của học sinh.

- Đảm bảo chất lượng đội ngũ CBQL, GV, NV theo tiêu chí trường chuẩn Quốc gia.

- Hoàn thiện thu thập minh chứng và mã hóa minh chứng năm học 2022-2023 cho chu kỳ mới 2018-2023, thu thập minh chứng một cách có hệ thống, nề nếp khoa học. Thực hiện đảm bảo đúng tiến độ báo cáo theo quy định. Sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

- Phấn đấu trong năm học 2022-2023 nhà trường hoàn thành kiểm định chất lượng giáo dục THCS và công nhận trường chuẩn Quốc gia cấp độ 3 giai đoạn 2018-2023.

3.6. Các hoạt động chuyên môn

3.6.1. Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường dựa vào các văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT và tình hình thực tế của nhà trường.

Trên cơ sở kế hoạch giáo dục chung của nhà trường, lãnh đạo nhà trường chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn dựa trên phân phối chương trình môn học và hoạt động giáo dục xây dựng kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân.

Thực hiện các biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện dạy học hoặc hoạt động giáo dục; dự báo những thuận lợi, khó khăn và đề xuất những giải pháp giải quyết khó khăn khi thực hiện; triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục.

3.6.2. Chỉ đạo tiếp tục đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn

Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên: tổ chức định kỳ ít nhất 2 lần/tháng theo điều lệ/quy chế nhà trường, chú trọng các nội dung: Trao đổi phương pháp dạy học, kiểm tra

đánh giá và giáo dục theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh theo chương trình GDPT 2018.

Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề: được tổ chức theo kế hoạch của tháng, học kỳ hoặc cả năm, bao gồm các nội dung: thảo luận việc xây dựng các chuyên đề dạy học, căn cứ vào chương trình giáo dục phổ thông, lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề dạy học phù hợp với việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong điều kiện thực tế của nhà trường; xây dựng kế hoạch và chuẩn bị bài dạy; tổ chức dạy học và dự giờ; phân tích thảo luận và đánh giá bài dạy minh họa của giáo viên theo hướng phân tích hoạt động học tập của học sinh; cùng suy ngẫm và vận dụng để hướng dẫn hoạt động học của học sinh theo yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực. Việc lựa chọn chuyên đề có thể tập trung vào các lĩnh vực như: Đổi mới kiểm tra, đánh giá, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, nâng cao chất lượng tuyển sinh...

Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học (dựa trên phân tích hoạt động học tập của học sinh) giúp giáo viên tìm các giải pháp trong quá trình dạy học nhằm nâng cao kết quả học tập của học sinh. Mỗi tổ chuyên môn sinh hoạt 1 lần/tháng nghiên cứu một nội dung bài học trong chương trình GDPT 2018.

Thực hiện có hiệu quả các hoạt động bồi dưỡng, đào tạo định kỳ như: Bồi dưỡng thường xuyên trong hè, trong năm học; bồi dưỡng theo chuyên đề; bồi dưỡng thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới; bồi dưỡng qua việc giao lưu, học tập kinh nghiệm thực tế ở những đơn vị tiên tiến, điển hình trong thành phố, trong tỉnh...

3.6.3. Chỉ đạo tiếp tục đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của nhà trường, hướng dẫn tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ, Sở và Phòng GD&ĐT.

Phân công giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, giáo viên ôn học sinh giỏi,... đảm bảo hợp lý, khoa học nhằm phát huy hết năng lực, sở trường của mỗi giáo viên.

Nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua thao giảng (2 đợt/năm học) dự giờ, thăm lớp, hoạt động chuyên đề, câu lạc bộ học tập, ứng dụng CNTT, tham gia nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hàng năm theo hướng dẫn của Bộ, Sở và Phòng GD&ĐT.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường; tăng cường các hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm với các trường trong và ngoài Thành phố.

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ để đánh giá chất lượng đội ngũ, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng; xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ chi tiết theo tháng, tuần, phù hợp tình hình thực tế của nhà trường và bám sát hướng dẫn nhiệm vụ năm học của ngành.

3.6.4. Chỉ đạo tăng cường đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá theo thông tư 26 /2020/TT-BGDĐT đối với lớp 7, 8, 9 và thông tư 22/2021/TT-BGDĐT đối với lớp 6; hướng dẫn tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Chỉ đạo tổ chuyên môn tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề kiểm tra, coi kiểm tra, chấm kiểm tra và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng xây dựng ma trận đề kiểm tra, xây dựng câu hỏi kiểm tra theo nhiều hình thức nhằm đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh.

Chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn tổ chức hoạt động lựa chọn, hoàn thiện các câu hỏi, bài tập kiểm tra theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để bổ sung cho ngân hàng câu hỏi của nhà trường; xây dựng nguồn học liệu mở (thư viện học liệu) về câu hỏi, bài tập, kế hoạch bài học, tài liệu tham khảo có chất lượng trên trang thông tin điện tử của Sở giáo dục, Phòng giáo dục và nhà trường.

3.6.5. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào hoạt động quản lý và dạy học

Xây dựng các quy định về sử dụng số điện tử trong nhà trường; thành lập tổ CNTT để quản trị các phần mềm, hỗ trợ, tập huấn cho giáo viên trong công tác ứng dụng CNTT.

Tăng cường số hóa hệ thống hồ sơ số sách trong nhà trường, thực hiện giám tải hồ sơ số sách theo đúng quy định.

Tiếp tục đẩy mạnh sử dụng hiệu quả kho học liệu của nhà trường; xây dựng cây thư mục cho kho học liệu khoa học.

Tiếp tục đẩy mạnh hiệu quả của sử dụng các phần mềm quản lý trường học như phần mềm Smas, phần mềm xếp thời khóa biểu, phần mềm quản lý sử dụng thiết bị dạy học,...

Tăng cường tập huấn ứng dụng CNTT vào dạy học và kiểm tra đánh giá, như sử dụng các trình duyệt Google Meet, Powerpoint, Padlet, Google form, Quiz,... để có thể nhanh chóng chuyển đổi hình thức dạy học từ trực tiếp sang trực tuyến trong tình hình dịch bệnh Covid-19 (neesu phải học trực tuyến).

3.6.6. Thực hiện tốt công tác truyền thông, chuyển đổi số

a/ Chỉ đạo chuyên môn thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục

Chuyển đổi số trong quản lý là số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu, ..) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ các cấp lãnh đạo, quản lý ra quyết định trong lãnh đạo, điều hành.

Nhà trường căn cứ tình hình thực tế, xác định và lựa chọn thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số phù hợp trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường: Phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, phần mềm Smas, phần mềm K120online,... Tiếp tục phát triển kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử, thiết bị dạy học điện tử; xây dựng tài liệu dạy học điện tử để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

Để thực hiện tốt việc chuyển đổi số trong trường THCS, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cần tham mưu cho chi ủy, chi bộ thực hiện những công việc sau:

(1) Số hóa các thông tin trong nhà trường và thực hiện quản lý thông tin trên phần mềm quản lý trường học Smas, phần mềm CSDL ngành giáo dục, phần mềm tuyển sinh đầu cấp, phần mềm tập huấn giáo viên, phần mềm xếp thời khóa biểu, phần mềm quản lý sử dụng thiết bị dạy học,...

(2) Quản lý và sử dụng hiệu quả công thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ <https://thcschuvanancamphaquangninh.edu.vn>

(3) Tăng cường vận dụng hiệu quả hòm thư công vụ, tạo lập và sử dụng hiệu quả các nhóm chat phục vụ công việc trên các nền tảng mạng xã hội trực tuyến: Zalo, face book,...

(4) Quản lý, sử dụng hiệu quả Kho học liệu nhà trường, phân công giáo viên phụ trách công nghệ thông tin hỗ trợ lập cây thư mục quản lý dữ liệu hợp lý, phân công các tổ trưởng chuyên môn, tổ phó chuyên môn làm công tác kiểm tra, giám sát việc đẩy kể

hoạch bài dạy, lịch báo giảng, các hồ sơ chuyên môn lên kho học liệu; phân công các tổ, nhóm đưa hồ sơ phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục, chuẩn quốc gia lên kho học liệu đầy đủ.

(5) Phát triển hệ thống học liệu trực tuyến, vận dụng hiệu quả và khai thác tối đa các lợi thế của phòng học thông minh để đa dạng hóa các hình thức truyền đạt kiến thức, kết hợp giảng dạy trực tiếp và trực tuyến hiệu quả cao.

(6) Tăng cường sử dụng các nền tảng số, kết hợp làm việc trực tiếp và trực tuyến trong hội họp, sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng chuyên môn,...

b/ Thực hiện tốt công tác truyền thông

- Nhà trường phối hợp với các đoàn thể, bộ phận công nghệ thông tin tích cực tuyên truyền về các hoạt động của nhà trường nhằm nâng cao vị thế của trường, tạo dựng thương hiệu nhà trường và thu hút được sự quan tâm, đầu tư của các cá nhân, tổ chức. Tích cực đề xuất, tham mưu, phối hợp với các cơ quan, ban ngành chức năng, đoàn thể trong việc thực hiện các đề án liên quan đến công tác giáo dục trong nhà trường và tổ chức thực hiện công tác truyền thông bằng nhiều hình thức.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường; thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

- Duy trì và phát triển trang thông tin – Website, Facebook của trường, của các lớp học, cập nhật một cách thường xuyên thông tin hoạt động giáo dục.

- Sử dụng hiệu quả các phòng học thông minh, thiết bị dạy học. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy quản lý (thông qua các phần mềm dạy học, sổ điện tử, phần mềm quản lý trường học SMAS...).

3.6.7. *Thực hiện cải cách hành chính*

- Nắm bắt các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực giáo dục cấp học, tuyên truyền hướng dẫn để cán bộ giáo viên, nhân viên nắm bắt, đồng thời hướng dẫn người dân thực hiện. Thực hiện đúng quy định tiếp dân của thủ trưởng cơ quan đơn vị, tăng cường nhiệm vụ cải cách hành chính trong nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch, quy định về chế độ báo cáo của các tổ chức đoàn thể, cá nhân trong nhà trường, đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo định kỳ kịp thời, có chất lượng: Tổ chuyên môn, Đoàn đội, Công đoàn, Chi bộ, giáo viên.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý. Thống nhất biểu mẫu, nội dung, hình thức các báo cáo và thời hạn báo cáo, đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, cá nhân thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo với cấp trên: Phòng GD&ĐT, Thành đoàn, UBND phường Cẩm Bình, Đảng ủy phường Cẩm Bình.

- Tham gia đầy đủ phiên họp giao ban hàng tháng của cấp trên, tham gia các cuộc tập huấn của ngành và thông báo các kết luận kịp thời đến đơn vị.

- Triển khai, quán triệt kịp thời tới cán bộ, giáo viên, nhân viên những quyết định, những chủ trương, biện pháp của nhà trường về các vấn đề có liên quan đến nhà trường và cá nhân.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong báo cáo như sử dụng Gmail, Google form, Zalo,... để công tác báo cáo kịp thời và hiệu quả.

- Thực hiện tốt nền nếp tác phong kỷ luật, kỷ cương của viên chức trong các hoạt động giáo dục, phục vụ nhân dân tận tình đảm bảo chỉ số sự hài lòng của nhân dân khi đến làm việc tại cơ quan giáo dục.

II. Xác định phương án tự chủ tài chính

1. Các danh mục dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị sự nghiệp công thực hiện để làm căn cứ phân loại mức độ tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP: Học phí

2. Báo cáo các nội dung thu, chi của đơn vị

a) Về nguồn thu: Trong đó nêu chi tiết các khoản thu sự nghiệp, thu ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

+ Giai đoạn 2018 – 2022

Stt	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề (ĐVT: Triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Năm 2022	
						Dự toán	Ước Thực hiện
I	Nguồn thu xác định mức độ tự chủ (A)	95,64	271,65	300,00	439,68	1.311,05	1.311,05
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN gồm:	95,64	271,65	300,00	439,68	1.311,05	1.311,05
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ						
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ...)	95,64	271,65	300,00	439,68	1.311,05	1.311,05
	- Thu học phí (100% số thu học phí)	95,64	271,65	300,00	439,68	1.311,05	1.311,05

+ Giai đoạn 2023 – 2025

STT	Nội dung	Dự kiến giai đoạn 2023-2025 (Triệu đồng)		
		Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025
I	Nguồn thu xác định mức độ tự chủ (A)	2.397,60	2.654,10	2.910,60
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN gồm:	2.397,60	2.654,10	2.910,60

1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ			
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ...)	2.397,60	2.654,10	2.910,60
	- Thu học phí	2.397,60	2.654,10	2.910,60
	- Thu cấp bù học phí			

b) Về chi thường xuyên: Trong đó chi tiết các nội dung chi:

+ Giai đoạn 2018-2022

stt	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề (Triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Năm 2022	
						Dự toán	Ước Thực hiện
II	Chi thường xuyên giao tự chủ (B)	1.477,39	3.576,43	4.371,22	4.938,00	6.426,22	6.426,22
1	Chi tiền lương tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	885,77	2.394,54	3.295,27	3.769,42	4.217,13	4.217,13
2	Chi tiền thưởng, phúc lợi tập thể	12,00	15,00	148,15	180,94	158,17	158,17
3	Chi thu nhập tăng thêm	20,90		89,90	126,66	260,00	260,00
4	Chi hoạt động chuyên môn	371,15	813,26	480,77	338,44	366,87	366,87
5	Chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	61,20		31,94	50,66	75,76	75,76
6	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	95,64	271,65	300,00	439,68	1.311,05	1.311,05
7	Chi trả tiền lãi vay						
8	Chi khác	30,73	81,99	25,20	32,19	37,24	37,24

III	Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên (%) =A/B*100%	6,47	7,60	6,86	8,90	20,40	20,40
IV	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên (đối với đơn vị nhóm 3, nhóm 4)	1.381,75	3.304,78	4.071,22	4.498,32	5.115,17	5.115,17

+ Giai đoạn 2023-2025

STT	Nội dung	Dự kiến giai đoạn 2023-2025 (Triệu đồng)		
		Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025
II	Chi thường xuyên giao tự chủ (B)	8.471,22	9.160,76	9.578,20
a	Chi lương và chi thường xuyên theo NQ66/2021	6.073,62	6.506,66	6.667,60
1	Chi tiền lương tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	4.931,52	5.364,56	5.525,50
2	Chi hoạt động chuyên môn	1.142,10	1.142,10	1.142,10
b.	Nguồn chi từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN	2.397,60	2.654,10	2.910,60
1	Chi từ nguồn học phí (60% số thu học phí)	2.397,60	2.654,10	2.910,60
	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	2.397,60	2.654,10	2.910,60
2	Chi hỗ trợ điểm trường ngoài trường chính (50 trđ/ điểm)			
3	Thu cấp bù học phí			
	Chi hoạt động chuyên môn			
4	Chi hỗ trợ miễn giảm học phí			
III	Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên (%) =A/B*100%	28,30	28,97	30,39
IV	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên (đối với đơn vị nhóm 3, nhóm 4)	6.073,62	6.506,66	6.667,60

3. Về phân phối kết quả tài chính của các năm trước liền kề và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định.

- Dự kiến chênh lệch thu, chi thường xuyên (nếu có): Phân chênh lệch thu chi được tiến hành trích lập các quỹ như sau:

+ Trích lập quỹ PTSN: 10%

+ Trích quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm: Trích lập tối đa không quá 0,3 lần quỹ lương cơ bản của viên chức, người lao động. Đơn vị xác định nguồn thu nhập tăng thêm đạt mức từ 1 đến 2 lần quỹ tiền lương.

+ Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi: Trích lập tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương, tiền công trong năm của đơn vị.

4. Xác định mức tự chủ tài chính

Căn cứ vào nguồn thu sự nghiệp, chi thường xuyên của năm đầu thời kỳ ổn định, đơn vị sự nghiệp công xác định mức tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC. Trong đó:

*** Năm 2023:**

- Xác định phân loại đơn vị: 28,3%

- Căn cứ vào kết quả trên: 28,3% trường THCS Chu Văn An thuộc đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên đơn vị nhóm 3.

- Mức kinh NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ cho đơn vị 2023: 6.073.620.000đ

- Nguồn thu được để lại chi thường xuyên theo quy định năm 2023: 2.397.600.000đ

*** Năm 2024:**

- Xác định phân loại đơn vị: 28,97%

- Căn cứ vào kết quả trên: 28,97% trường THCS Chu Văn An thuộc đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên đơn vị nhóm 3.

- Mức kinh phí NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ cho đơn vị 2024: 6.506.660.000đ

- Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định năm 2025: 2.654.100.000đ.

*** Năm 2025:**

- Xác định phân loại đơn vị: 30,39%

- Căn cứ vào kết quả trên: 30,39% trường THCS Chu Văn An thuộc đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên đơn vị nhóm 3.

- Mức kinh phí NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ cho đơn vị 2025: 6.667.600.000đ

- Nguồn thu được để lại chi thường xuyên theo quy định năm 2025: 2.910.600.000đ

***) Đề xuất phương án tự chủ giai đoạn 2023-2025 là 29%**

Trên đây là Phương án tự chủ tài chính của trường THCS Chu Văn An giai đoạn 2023-2025./.

(Chi tiết có biểu số liệu đính kèm)

Nơi nhận:

- PGD&ĐT Cẩm Phả (b/c trình);
- UBND phường Cẩm Bình (b/c);
- HĐ trường; Tập thể CB-GV-NV (xin ý kiến);
- Ban ĐDCMHS (xin ý kiến);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Bích Huệ